

Số: /2025/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO
Lần 1

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định về quản lý tài nguyên nước
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước và thẩm định, nghiệm thu kết quả hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-SNNMT ngày tháng năm 2025 và hồ sơ kèm theo.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) về việc Quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 của UBND tỉnh Phú Yên về việc Quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN TP và các hội, đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường, đặc khu, kinh tế;
- Công TTĐT tỉnh, Báo và Đài PT-TH ĐN;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTĐT, SNNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY ĐỊNH

Quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; trách nhiệm, sự phối hợp của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh (viết tắt là UBND cấp xã); các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hành nghề khoan nước dưới đất và đảm bảo an ninh nguồn nước trên địa bàn tỉnh;

2. Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023 và các văn bản pháp luật có liên quan và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có hoạt động liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 1 của Quy định này trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Chương II

ĐIỀU TRA CƠ BẢN VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 3. Điều tra, đánh giá tài nguyên nước

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các hoạt động sau đây:

1. Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt được thực hiện trên sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ, ao, đầm, phá tự nhiên và nhân tạo gồm một hoặc một số hoạt động sau đây:

a) Điều tra, đánh giá đặc trưng hình thái sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ, ao, đầm, phá; điều tra, đánh giá số lượng, chất lượng nước mặt;

b) Điều tra, đánh giá tình hình suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, nhiễm mặn nguồn nước mặt;

- c) Điều tra, đánh giá khả năng chịu tải của nguồn nước mặt;
- d) Điều tra, xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối; điều tra, phân vùng chức năng nguồn nước mặt.

2. Điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất gồm một hoặc một số hoạt động sau đây:

- a) Điều tra, đánh giá trữ lượng, chất lượng nước dưới đất theo các tỷ lệ 1:200.000; 1:100.000; 1:50.000; 1:25.000;
- b) Điều tra, đánh giá tình hình suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, nhiễm mặn nguồn nước dưới đất;
- c) Điều tra, khoanh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;
- d) Điều tra, xác định khả năng bổ sung nhân tạo nước dưới đất.

3. Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

4. Điều tra, xác định danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp.

5. Trường hợp cần thiết thực hiện đột xuất điều tra, đánh giá tài nguyên nước để phục vụ nhiệm vụ cấp thiết trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 4. Kiểm kê tài nguyên nước

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện kiểm kê tài nguyên nước theo đề án, kế hoạch kiểm kê tài nguyên nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên địa bàn tỉnh và gửi kết quả kiểm kê tài nguyên nước về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp.

Điều 5. Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng Kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Đồng thời, chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện các đề án, dự án điều tra cơ bản tài nguyên nước đã được phê duyệt trong Kế hoạch; các đề án, dự án điều tra cơ bản tài nguyên nước có tính chất đặc thù thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu tổ chức thẩm định, nghiệm thu và phê duyệt kết quả thực hiện theo quy định.

Điều 6. Báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh

Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng Báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh và tham mưu UBND tỉnh phê duyệt, gửi báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 năm sau.

Chương III

BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 7. Bảo vệ nguồn nước mặt

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện bảo vệ nguồn nước mặt trên địa bàn tỉnh, bao gồm các hoạt động chủ yếu sau đây:

1. Quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;
2. Duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, suối; bảo đảm lưu thông dòng chảy;
3. Phòng, chống và phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; cải thiện khả năng chịu tải của nguồn nước mặt;
4. Bảo vệ các nguồn nước mặt có chức năng điều hòa, cấp nước, phòng, chống ngập úng; các nguồn nước có chức năng bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị văn hóa, đa dạng sinh học và phát triển du lịch;
5. Bảo vệ và phát triển nguồn sinh thủy;
6. Bảo vệ môi trường nước mặt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 8. Chức năng nguồn nước mặt

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh:

1. Tổ chức rà soát chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh trong quy hoạch tỉnh; rà soát, cập nhật, bổ sung nội dung tại Quyết định 1248/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành danh mục nguồn nước nội tỉnh và Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành danh mục nguồn nước nội tỉnh Đắk Lắk (cũ) bao gồm các hồ được quy định tại **Điều 13** của quy định này.

2. Xem xét, điều chỉnh chức năng của các nguồn nước mặt nội tỉnh trong các trường hợp sau đây:

- a) Có sự thay đổi về yêu cầu bảo vệ nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh;
- b) Có sự thay đổi lớn về khả năng đáp ứng của nguồn nước mà chưa có biện pháp khắc phục.

3. Công bố, đăng tải Quyết định phê duyệt phân vùng chức năng nguồn nước trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

Điều 9. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh:

a) Tổ chức rà soát, điều chỉnh, công bố danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước tại Quyết định 1248/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành danh mục nguồn nước nội tỉnh và Quyết định số

1283/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) về việc phê duyệt danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

b) Phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước;

c) Tổ chức xác định phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với các trường hợp không có tổ chức được giao quản lý, vận hành;

d) Xác định mốc chỉ giới và thể hiện phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ địa chính.

đ) Giao mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước cho Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý, bảo vệ;

e) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định về quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn;

g) Cập nhật cơ sở dữ liệu về hành lang bảo vệ nguồn nước vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

2. Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trong dự toán ngân sách địa phương hàng năm.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh kiểm soát, giám sát chặt chẽ các hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước có chức năng bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị văn hóa và phát triển du lịch.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; giám sát các hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn quản lý;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc xây dựng Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn; thể hiện mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn theo bản đồ địa chính;

c) Phối hợp với tổ chức, cá nhân vận hành hồ chứa thủy điện trong việc xây dựng phương án cấm mốc giới xác định hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện trên địa bàn và thực hiện việc cấm mốc giới trên thực địa, tiếp nhận mốc giới từ UBND tỉnh để quản lý, bảo vệ;

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn quản lý.

Điều 10. Xác định, công bố dòng chảy tối thiểu

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh điều tra, xác định, điều chỉnh vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh; dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu đập, hồ chứa theo thẩm quyền quản lý và tổ chức công bố, rà soát, điều chỉnh dòng chảy tối thiểu theo quy định.

2. Chủ đập, hồ chứa hoặc các tổ chức, cá nhân quản lý vận hành đập, hồ chứa có trách nhiệm đề xuất giá trị dòng chảy tối thiểu hạ lưu đập, hồ chứa do mình đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành trong tờ đăng ký, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác nước mặt hoặc đề xuất điều chỉnh dòng chảy tối thiểu theo quy định pháp luật về tài nguyên nước.

Điều 11. Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt. Người phát hiện hành vi gây ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt có trách nhiệm kịp thời báo cáo cho UBND nơi gần nhất.

2. UBND tỉnh ủy quyền Sở Nông nghiệp và Môi trường xác định, phê duyệt, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên cơ sở đề xuất của tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước để sản xuất, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh kiểm soát các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt.

4. Sở Y tế có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh tổ chức quan trắc, công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện các biện pháp theo dõi, giám sát, bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt tại địa phương;

b) Tổ chức xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa; kiểm tra, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước trên địa bàn; tiếp nhận thông tin, giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước sinh hoạt theo thẩm quyền;

c) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm soát các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt.

Điều 12. Bảo vệ chất lượng nguồn nước trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, khai thác khoáng sản và các hoạt động khác

Tổ chức, cá nhân hoạt động trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, khai thác khoáng sản và các hoạt động khác có trách nhiệm bảo vệ chất lượng nguồn nước, không được gây ô nhiễm nguồn nước; không được xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường vào nguồn nước mặt, nước biển;

trường hợp có sử dụng hóa chất nguy hiểm thì phải có biện pháp đảm bảo an toàn, không để rò rỉ, gây ô nhiễm nguồn nước.

Điều 13. Chuyển đổi mục đích sử dụng đối với các moong khai thác khoáng sản, đất, vật liệu xây dựng sau khi dừng khai thác tạo thành hồ

Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định việc chuyển mục đích sử dụng đối với moong khai thác khoáng sản, đất, vật liệu xây dựng say khi dừng khai thác tạo thành hồ để điều hòa, tích trữ nước, cấp nước, tạo cảnh quan; cập nhật, bổ sung vào danh mục nguồn nước mặt nội tỉnh và danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp.

Điều 14. Bảo vệ nước dưới đất

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh trước tháng 7 năm 2027. Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất được xem xét, điều chỉnh định kỳ 05 năm hoặc điều chỉnh đột xuất để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ nguồn nước;

2. Việc lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải dựa trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất; thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên nước dưới đất của mạng quan trắc tài nguyên nước dưới đất, tại công trình khai thác nước dưới đất và các thông tin, số liệu có liên quan khác từ Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia (nếu có);

Trường hợp thông tin, số liệu chưa đảm bảo làm cơ sở lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bổ sung công tác điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất để phục vụ lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất;

3. Căn cứ kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc khoanh định, công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; quyết định đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi;

4. Việc trám lấp giếng bị hỏng không còn sử dụng hoặc không có kế hoạch tiếp tục sử dụng quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật Tài nguyên nước thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trám lấp giếng không sử dụng và trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc trám lấp giếng, phải báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường kết quả thi công trám lấp giếng theo quy định.

Chương IV

**ĐIỀU HÒA, PHÂN PHỐI VÀ KHAI THÁC,
SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Điều 15. Điều hòa, phân phối tài nguyên nước

Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo điều hòa, phân phối tài nguyên nước và điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trên sông nội tỉnh;

Căn cứ kịch bản nguồn nước các lưu vực sông Srêpôk, sông Ba, sông Cầu (Sông Tam Giang), sông Bàn Thạch, hệ thống sông Kỳ Lộ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố hằng năm và các yêu cầu quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các tổ chức quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước lập, trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 16. Điều hòa, phân phối tài nguyên nước khi xảy ra hạn hán, thiếu nước

1. Trong trường hợp hạn hán, thiếu nước, căn cứ nguyên tắc, thứ tự ưu tiên được xác định trong quy hoạch tỉnh để hạn chế phân phối tài nguyên nước cho các hoạt động sử dụng nhiều nước, chưa cấp thiết và ưu tiên hàng đầu cấp cho sinh hoạt, các hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh quyết định sử dụng các nguồn nước mặt, nước dưới đất và các công trình cấp nước dự phòng hiện có trên địa bàn tỉnh để chủ động ứng phó với tình trạng thiếu nước bảo đảm nước cấp cho sinh hoạt và các nhu cầu sử dụng nước thiết yếu khác; chỉ đạo huy động mọi nguồn lực để thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng thiếu nước trên địa bàn.

3. Căn cứ kịch bản nguồn nước, đối với lưu vực sông dự báo xảy ra hạn hán, thiếu nước, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước và điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông nội tỉnh

4. Sở Khoa học Công nghệ chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch, lộ trình quy định các loại dự án phải có phương án sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước đối với dự án tại các khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước và xác định các ưu đãi mà dự án đó được hưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Phương án chuyển nước lưu vực sông

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận về phương án chuyển nước đối với các Dự án có hoạt động chuyển nước hoặc có hoạt động đào sông, kênh, mương, rạch chuyển nước ảnh hưởng lớn đến hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, môi trường và đời sống của Nhân dân quy định tại khoản 3 Điều 47 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.

2. Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hoặc quyết định đầu tư đối với các dự án có hoạt động chuyển nước, hoặc có hoạt động đào sông, kênh, mương, rạch chuyển nước ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh tế - xã hội, môi trường và đời sống của nhân dân phải căn cứ Văn bản chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước của UBND tỉnh. Việc chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước được thực hiện trước khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hoặc quyết định đầu tư dự án.

Điều 18. Điều chỉnh Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Srêpôk và lưu vực sông Ba

Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Srêpôk và lưu vực sông Ba, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 19. Khai thác tài nguyên nước cho sinh hoạt

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước.

Sở Xây dựng chủ trì đề xuất phương án dự phòng cấp nước cho sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

Điều 20. Khai thác tài nguyên nước cho sản xuất nông nghiệp

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Rà soát, điều chỉnh các quy trình vận hành hồ chứa, công trình, hệ thống công trình thủy lợi bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu, chống thất thoát, lãng phí nước và bảo đảm lưu thông của dòng chảy trong hệ thống công trình, không gây ứ đọng, ô nhiễm nguồn nước;

2. Chỉ đạo tổ chức việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi phù hợp với khả năng đáp ứng của nguồn nước, kích bản nguồn nước, phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước quy định tại Luật Tài nguyên nước; áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 21. Tổ chức lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân có liên quan về tác động của công trình khai thác nước

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân có liên quan trong khai thác nước đối với các trường hợp các dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác nước có ảnh hưởng lớn đến hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của Nhân dân trên địa bàn phải lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư quy định tại điểm a khoản 8 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác tài nguyên nước bao gồm:

- a) Hồ chứa, đập dâng xây dựng trên sông, suối, kênh, mương, rạch;
- b) Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch khác quy định tại điểm a khoản này với mục đích tạo nguồn, ngăn mặn, chống ngập, tạo cảnh quan;
- c) Công trình khai thác nước mặt không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này có quy mô khai thác từ 10 m³/giờ trở lên cho mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; từ 300.000 m³/ngày đêm trở lên cho mục đích sinh hoạt, kinh doanh, dịch vụ, sản xuất (bao gồm cả khai thác để sử dụng nước cho mục đích làm mát máy, thiết bị, tạo hơi, gia nhiệt), thi công xây dựng công trình;
- d) Công trình khai thác nước dưới đất có quy mô khai thác nước từ 12.000 m³/ngày đêm trở lên.

2. Đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân có liên quan trong khai thác nước theo quy định tại khoản 8 Điều 53 của Luật Tài nguyên nước, bao gồm: trưởng thôn, làng, ấp, bản, bon, buôn, phum, sóc, tổ trưởng tổ dân phố và điểm dân cư tương tự hoặc người được cộng đồng dân cư thỏa thuận cử ra, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, đơn vị quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước chịu ảnh hưởng của việc khai thác nước của dự án.

Điều 22. Các trường hợp không phải kê khai, cấp phép khai thác tài nguyên nước và đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước

- 1) Khai thác nước cho các hoạt động văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, phòng cháy, chữa cháy, phục vụ mục đích quốc phòng và an ninh, tưới cây và rửa đường phục vụ mục đích công cộng.
- 2) Khai thác nước cho sinh hoạt tại các khu vực trong thời gian xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sự cố ô nhiễm, dịch bệnh do cấp có thẩm quyền công bố theo quy định của pháp luật.
- 3) Khai thác nước biển để sử dụng cho sản xuất muối.
- 4) Khai thác nước biển phục vụ các hoạt động trên biển.
- 5) Hoạt động sử dụng mặt nước trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện theo quy định của pháp luật về thủy lợi.
- 6) Khai thác nước mặt cho các mục đích kinh doanh, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (bao gồm cả khai thác để sử dụng nước cho mục đích làm mát máy, thiết bị, tạo hơi, gia nhiệt), thi công xây dựng công trình có quy mô không vượt quá 100 m³/ngày đêm.
- 7) Khai thác nước mặt cho mục đích sinh hoạt có quy mô không vượt quá 100 m³/ngày đêm; khai thác nước mặt cho mục đích sinh hoạt có quy mô không vượt quá 200 m³/ngày đêm đối với khu vực biên giới, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- 8) Hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ nhỏ hơn 0,01 triệu m³; công trình khai thác nước mặt khác cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô không vượt quá 0,1 m³/giờ.

Trường hợp hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ nhỏ hơn 0,01 triệu m³ có quy mô khai thác cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản vượt quá 0,1 m³/giờ hoặc có các mục đích khai thác nước khác có quy mô vượt quá quy định tại các khoản 6, khoản 7 và khoản 9 Điều này thì phải thực hiện đăng ký, cấp phép theo quy định của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.

9) Khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy không vượt quá 50 kW.

10) Khai thác nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản trên đảo, đất liền có quy mô không vượt quá 10.000 m³/ngày đêm.

11) Sử dụng mặt nước sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ với diện tích mặt nước sử dụng có quy mô không vượt quá 100 m² (trừ sử dụng mặt nước tại các khu, điểm du lịch).

12) Đào hồ, ao, kênh, mương, rạch quy mô nhỏ để tạo không gian thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan thuộc trường quy định tại điểm i khoản 3 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước, bao gồm:

a) Đào hồ, ao có quy mô diện tích mặt nước không vượt quá 500 m²;

b) Đào kênh, mương, rạch với lưu lượng dẫn nước có quy mô không vượt quá 0,1 m³/giờ hoặc bề rộng đáy không vượt quá 0,5 m;

c) Tổ chức, cá nhân có hoạt động quy định tại điểm a, điểm b khoản này và điểm i, k, l khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ phải đảm bảo các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, giao thông, thủy lợi, khoáng sản và pháp luật khác có liên quan; trường hợp quy định tại điểm a, b khoản này có khai thác nước để sử dụng cho các mục đích khác thuộc trường hợp phải đăng ký, cấp phép thì phải thực hiện đăng ký, cấp phép khai thác tài nguyên nước theo quy định của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.

13) Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) là công trình tạm, thời vụ có thời gian sử dụng liên tục không quá 3 tháng.

14) Tổ chức, cá nhân khai thác nước cho sinh hoạt tại các khu vực trong thời gian xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sự cố ô nhiễm, dịch bệnh theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước. Đối với công trình có quy mô khai thác thuộc trường hợp phải thực hiện đăng ký, cấp phép khai thác tài nguyên nước thì sau khi kết thúc thời gian nêu trên phải dừng ngay việc khai thác và trong thời gian không quá 30 ngày, phải báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường nơi có công trình về việc khai thác nước tại công trình.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục khai thác mà quy mô khai thác nước thuộc trường hợp phải thực hiện kê khai, đăng ký, cấp phép khai thác tài nguyên nước thì thực hiện kê khai, đăng ký, cấp phép theo quy định của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.

Trường hợp tổ chức, cá nhân không có kế hoạch tiếp tục khai thác thì phải thực hiện trám lấp giếng hoặc tháo dỡ công trình theo quy định.

Điều 23. Thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, tạm dừng, đình chỉ, thu hồi giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất và kê khai, đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, tạm dừng, đình chỉ, thu hồi giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất, bao gồm:

a) Thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m³/ngày đêm;

b) Khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m³/ngày đêm;

c) Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 5m³/giây và có dung tích toàn bộ dưới 5 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác đến dưới 10 m³/giây;

d) Công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác nước dưới 10 m³/giây;

đ) Hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản này có dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³;

e) Khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy dưới 5.000 kw;

g) Khai thác nước mặt cho các mục đích khác có quy mô dưới 50.000 m³/ngày đêm;

h) Khai thác nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản trên đảo, đất liền có quy mô khai thác dưới 1.000.000 m³/ngày đêm;

i) Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch dưới 100m. Đối với công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước dưới 50 m.

2. UBND tỉnh phân cấp cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức xác nhận đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với các trường hợp quy định tại các điểm a, b, đ, e, g, h, i, k và l khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể:

a) Hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 0,01 triệu m³ đến 0,2 triệu m³; công trình khai thác nước mặt khác cho mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác lớn hơn 0,1 m³/giây đến 0,5 m³/giây.

Trường hợp hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 0,01 triệu m³ đến 0,2 triệu m³ có quy mô khai thác cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản vượt quá 0,5 m³/giây hoặc có các mục đích khai thác nước khác có quy mô khai thác thuộc trường hợp phải có giấy phép thì phải thực hiện cấp phép theo quy định của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ;

b) Khai thác nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản trên đảo, đất liền có quy mô lớn hơn 10.000 m³/ngày đêm đến 100.000 m³/ngày đêm;

c) Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) khác quy định tại khoản 5 Điều 7 của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch không vượt quá 30 m; đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan khác quy định tại khoản 5 Điều 7 của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ có tổng chiều rộng thông nước không vượt quá 5 m.

Trường hợp công trình có các mục đích khai thác nước khác có quy mô khai thác thuộc trường hợp phải có giấy phép thì phải thực hiện cấp phép theo quy định của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ;

d) Sử dụng mặt nước hồ chứa để sản xuất điện mặt trời theo quy định tại điểm e khoản 5 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước;

đ) Sử dụng mặt nước sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ với diện tích mặt nước sử dụng có quy mô lớn hơn 100 m²;

e) Các khu, điểm du lịch có hoạt động sử dụng mặt nước;

g) Đào sông, suối theo quy định tại điểm g khoản 5 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước;

h) Đào hồ, ao để tạo không gian thu, trữ nước, tạo cảnh quan có quy mô khác quy định tại điểm a khoản 4 Điều 7 của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ;

i) Đào kênh, mương, rạch để tạo không gian thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan có quy mô khác quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.

3. Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức đăng ký khai thác nước dưới đất theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật Tài nguyên nước và khoản 3 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.

Điều 24. Trường hợp tổ chức lấy ý kiến chuyên gia; thành lập Hội đồng và họp thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất

1. UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thành lập hội đồng và họp thẩm định hồ sơ cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trước khi tham mưu UBND theo thẩm quyền quy định.

2. Hội đồng thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất và phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thành lập trong các trường hợp cụ thể sau đây:

a) Thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 2.000 m³ đến dưới 5.000 m³/ngày đêm;

b) Khai thác nước dưới đất với công trình có quy mô từ 2.000 m³ đến dưới 5.000 m³/ngày đêm;

c) Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô từ 2m³/giây đến dưới 5m³/giây và có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ đến dưới 5 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 3 m³/giây đến dưới 10 m³/giây;

d) Công trình khai thác mặt nước khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 3m³/giây đến dưới 10m³/giây;

đ) Khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 1.000 kw đến dưới 5.000kw;

e) Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 60m đến dưới 100m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 50 m đến dưới 100m.

3. Hội đồng thẩm định do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành lập với ít nhất bảy (07) thành viên

Cơ cấu hội đồng thẩm định gồm: Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường; một (01) Phó Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn, một (01) Ủy viên thư ký, hai (02) Ủy viên phản biện và một số Ủy viên, trong đó ít nhất ba mươi phần trăm (30%) số thành viên hội đồng có từ năm (05) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài nguyên nước, thủy lợi, môi trường.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lấy ý kiến chuyên gia trước khi cấp phép đối với các trường hợp:

a) Thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 1.000 m³ đến dưới 2.000 m³/ngày đêm;

b) Khai thác nước dưới đất với công trình có quy mô từ 1.000 m³ đến dưới 2.000 m³/ngày đêm;

c) Khai thác nước mặt có quy mô từ 20.000 m³/ngày đêm đến dưới 50.000 m³/ngày đêm.

5. Việc lấy ý kiến chuyên gia phải có ít nhất hai (02) chuyên gia có từ năm (05) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài nguyên nước, thủy lợi, môi trường.

6. Những trường hợp không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định của UBND tỉnh.

Điều 25. Hành nghề khoan nước dưới đất

1. UBND tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 30 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ;

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ quy định tại điểm a và điểm b Khoản 1 Điều 30 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ đối với các tổ chức, cá nhân đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh.

3. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất ở quy mô nào thì được phép hành nghề ở quy mô đó và các quy mô nhỏ hơn; được hành nghề khoan, lắp đặt các lỗ khoan, giếng khoan trong các dự án điều tra, đánh giá, thăm dò, khai thác nước dưới đất và các công trình khoan khác có đường kính tương đương với quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.

Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất thì được hoạt động hành nghề khoan nước dưới đất trên phạm vi cả nước.

Điều 26. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

1. Trường hợp không phải nộp, miễn, giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

a) Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước không phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 69 và khoản 3 Điều 86 của Luật Tài nguyên nước;

b) Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước được miễn tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69 của Luật Tài nguyên nước.

Đối với dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 69 của Luật Tài nguyên nước thì chủ dự án phải nộp văn bản bảo lãnh để chứng minh căn cứ miễn tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước.

c) Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước được giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 69 của Luật Tài nguyên nước.

2. Trường hợp phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước thuộc trường hợp phải cấp phép khai thác nước mặt, nước dưới đất phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trong các trường hợp sau đây:

a) Khai thác nước mặt để phát điện có mục đích thương mại;

b) Khai thác nước mặt, nước dưới đất để phục vụ hoạt động sản xuất (bao gồm cả nước làm mát máy, thiết bị, tạo hơi, gia nhiệt), kinh doanh, dịch vụ, cấp cho nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, cấp cho sinh hoạt.

3. UBND tỉnh phê duyệt, điều chỉnh, truy thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại khoản 1 Điều 50, khoản 6 Điều 52 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ;

4. UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thành lập hội đồng và họp thẩm định hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trước khi tham mưu UBND theo thẩm quyền quy định;

5. Hội đồng thẩm định hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thành lập trong các trường hợp cụ thể sau đây:

a) Khai thác nước dưới đất với công trình có quy mô từ 2.000 m³ đến dưới 5.000 m³/ngày đêm;

b) Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô từ 2m³/giây đến dưới 5m³/giây và có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ đến dưới 5 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 3 m³/giây đến dưới 10 m³/giây;

c) Công trình khai thác mặt nước khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 3m³/giây đến dưới 10m³/giây;

d) Khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 1.000 kw đến dưới 5.000kw.

6. Hội đồng thẩm định do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành lập với ít nhất bảy (07) thành viên

Cơ cấu hội đồng thẩm định gồm: Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường; một (01) Phó Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn, một (01) Ủy viên thư ký, hai (02) Ủy viên phản biện và một số Ủy viên, trong đó ít nhất ba mươi phần trăm (30%) số thành viên hội đồng có từ năm (05) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài nguyên nước, thủy lợi, môi trường, tài chính.

7. Kinh phí cho hoạt động thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được lấy từ nguồn thu phí khai thác, sử dụng nguồn nước;

8. Những trường hợp không quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định của UBND tỉnh.

9. Thông báo và nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

a) Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thông báo, nộp sau khi công trình đi vào vận hành và có quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Sau khi nhận được quyết định phê duyệt, điều chỉnh, truy thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, cơ quan Thuế tỉnh Đắk Lắk có trách nhiệm ban hành thông báo nộp tiền cấp quyền gửi tổ chức, cá nhân nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Điều 27. Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (sau đây gọi chung là cơ quan tiếp nhận hồ sơ) bao gồm:

a) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Bộ phận một cửa thuộc UBND cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền UBND xã.

Điều 28. Cơ quan thẩm định, quản lý hồ sơ, giấy phép (sau đây gọi chung là cơ quan thẩm định hồ sơ), bao gồm:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định, quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường;

b) Cơ quan chuyên môn về tài nguyên nước thuộc UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức thẩm định và quản lý hồ sơ đăng ký khai thác nước dưới đất thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp xã.

Điều 29. Phí thẩm định cấp phép tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất

1. Tổ chức, cá nhân khi được cấp giấy phép về hoạt động tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất phải nộp phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định.

2. Mức thu phí được áp dụng theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Chương V

SỬ DỤNG NƯỚC TIẾT KIỆM, HIỆU QUẢ VÀ PHÒNG, CHỐNG, KHẮC PHỤC TÁC HẠI DO NƯỚC GÂY RA

Điều 30. Sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện các biện pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy định về sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã tham mưu UBND tỉnh áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện các quy định về điều hòa, phân phối tài nguyên nước; sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước.

Điều 31. Sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, lộ trình quy định các loại dự án phải có phương án sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước đối với các dự án tại các khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước và xác định các ưu đãi mà dự án đó được hưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Phê duyệt, công bố, điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập, phê duyệt, công bố, điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đối với hồ, ao, đầm, phá thuộc nguồn nước mặt nội tỉnh.

2. Định kỳ 05 năm một lần hoặc trong trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh tổ chức rà soát, cập nhật, điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp.

3. Điều chỉnh đưa hồ, ao, đầm, phá ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp

Trên cơ sở đề xuất của các sở, ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép đưa ra khỏi Danh mục.

4. Bổ sung vào danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đối với các moong khai thác khoáng sản

Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh rà soát, điều chỉnh, bổ sung vào danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đối với các moong khai thác khoáng sản, đất, vật liệu xây dựng sau khi dừng khai thác đã bảo đảm các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, môi trường, khoáng sản tạo thành hồ để điều hòa, tích trữ, tạo cảnh quan theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Luật Tài nguyên nước.

Điều 33. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân quản lý hồ, ao, đầm, phá nằm trong Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp:

1. Sử dụng đúng mục đích và không được tự ý san lấp, cải tạo;
2. Kiểm soát chặt chẽ các hành vi lấn chiếm xây dựng công trình trái phép, xả nước thải sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh trực tiếp vào hồ, ao, đầm, phá. Trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm kịp thời thông báo và phối hợp cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh:
 - a) Thẩm định, phê duyệt phương án để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ trong báo cáo đánh giá tác động môi trường theo thẩm quyền quy định tại pháp luật bảo vệ môi trường;
 - b) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ, hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông nội tỉnh; tổ chức điều tra, đánh giá quan trắc, giám sát diễn biến dòng chảy, xói lở lòng, bờ, bãi sông trên các sông nội tỉnh.
2. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong việc bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ
 - a) Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình (đặc biệt là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sinh sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước) chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ;
 - b) Tuyệt đối không thực hiện các hành vi khai thác cát, sỏi trái phép trên sông, hồ;
 - c) Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi trên sông, hồ thì phải báo cáo ngay cho chính quyền địa phương (nơi có hoạt động khai thác) và Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xử lý (nếu khai thác cát, sỏi trái phép và vi phạm các quy định về bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ);
 - đ) Khi phát hiện có hiện tượng sạt lở lòng bờ, bãi sông, hồ thì phải báo cáo ngay cho chính quyền địa phương (nơi có hiện tượng sạt lở) và Sở Nông nghiệp và Môi trường để chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động tới lòng, bờ, bãi sông, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 35. Đối với nguồn nước liên quốc gia

UBND cấp xã tại vùng biên giới có nguồn nước liên quốc gia chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường khi phát hiện những vấn đề bất thường về lưu lượng, mực nước, chất lượng nguồn nước trên địa bàn quản lý.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC NGÀNH, CÁC CẤP VÀ CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG CHỦ TRÌ, PHỐI HỢP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 36. Trách nhiệm quản lý, bảo vệ tài nguyên nước của các Sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước;

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Chiến lược tài nguyên nước quốc gia, quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước, quy hoạch về tài nguyên nước; lập, tổ chức thực hiện phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh;

c) Xác định các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ nước dưới đất; tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước;

đ) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh cung cấp thông tin, số liệu để xây dựng kịch bản nguồn nước; tham mưu UBND tỉnh ban hành, điều chỉnh danh mục nguồn nước mặt nội tỉnh;

e) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, các tổ chức đoàn thể, các địa phương và cơ quan có liên quan phổ biến, tuyên truyền, truyền thông về tài nguyên nước nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

g) Quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; tổ chức giám sát tài nguyên nước theo quy định; báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường tình hình quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh;

h) Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn;

i) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức xây dựng, hướng dẫn triển khai dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên nước;

k) Tham mưu UBND tỉnh công tác phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên phổ biến, tuyên truyền, truyền thông về tài nguyên nước;

l) Tổng hợp, cung cấp, cập nhật thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn thành phố vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

m) Căn cứ kịch bản nguồn nước và các yêu cầu quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các tổ chức quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trên địa bàn thành phố xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước

cấp cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Luật Tài nguyên nước.

n) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

2. Sở Xây dựng

a) Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, truyền thông về cấp, thoát nước nhằm nâng cao nhận thức về khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

b) Chủ trì lập báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với công trình cấp nước đô thị và các khu, cụm công nghiệp để tổng hợp, lập Báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với công trình cấp nước đô thị và các khu, cụm công nghiệp;

c) Chủ trì, phối hợp với các tổ chức quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trên địa bàn tỉnh, xây dựng kế hoạch khai thác tài nguyên nước cấp cho sinh hoạt, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Luật Tài nguyên nước.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có liên quan trong công tác thẩm định, cho ý kiến vào các đề án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trong đó có nội dung về phương án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, cấp, thoát nước, thu gom nước thải tại các đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt đô thị trên địa bàn tỉnh; cảnh báo các vùng có nguy cơ bị ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt đô thị.

đ) Phối hợp nghiên cứu, có ý kiến đối với các dự án có các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho mục đích giao thông đường thủy nội địa, giải trí, du lịch đảm bảo không được gây ô nhiễm nguồn nước.

e) Yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc nạo vét, khơi thông luồng để mở mới, cải tạo, nâng cấp luồng, tuyến giao thông thủy nội địa (nạo vét cơ bản) thuộc vùng nước đường thủy nội địa phải tuân thủ các quy định về bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

g) Tham mưu UBND tỉnh bố trí, xây dựng công trình dự phòng để cấp nước sinh hoạt.

h) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

3. Sở Y tế

Phối hợp nghiên cứu, có ý kiến đối với các dự án có các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho hoạt động y tế, đảm bảo sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, không được gây suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước, cản trở dòng chảy và các ảnh hưởng xấu khác đến nguồn nước.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tổ chức xây dựng, thực hiện các chương trình

nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã và các cơ quan có liên quan đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền, truyền thông về tài nguyên nước nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

5. Sở Tài chính

a) Hàng năm căn cứ dự toán các cơ quan lập, các văn bản, định mức, quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho các hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước theo phân cấp ngân sách hiện hành;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh quy định khuyến khích các tổ chức tài chính phát triển tín dụng xanh, trái phiếu xanh và các sản phẩm tài chính để hỗ trợ cho việc bảo vệ, phát triển, phục hồi nguồn nước;

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hàng năm để công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm tiếp theo liền kề;

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng các chính sách về thuế, phí, lệ phí tài nguyên nước, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

6. Sở Công Thương

a) Chủ trì thẩm định tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh;

b) Chủ trì lập báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với mục đích thủy điện, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, lập Báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch chuyên ngành công nghiệp, thương mại có khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Quản lý việc triển khai đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp đã được phê duyệt, bao gồm hạ tầng công trình cấp nước, đảm bảo quy định pháp luật hiện hành.

e) Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước của các ngành.

g) Thực hiện các nội dung theo thẩm quyền được quy định tại Quy định này.

7. Công an tỉnh

Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình cấp nước sinh hoạt quan trọng trên địa bàn tỉnh; phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước; phối hợp, tổ chức lực lượng, phương tiện ứng phó sự cố, thảm họa liên quan đến nước; bảo đảm an ninh chính trị, trật

tự, an toàn xã hội trên địa bàn, khu vực xảy ra sự cố, thảm họa liên quan đến nước theo quy định của pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của ngành.

8. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Bộ đội Biên phòng tỉnh: Chủ trì, phối hợp cùng với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ cho ngành, lĩnh vực mình phụ trách trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt về tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt. Thực hiện các nhiệm vụ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của ngành.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức triển khai nội dung liên quan đến các hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước có chức năng bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị văn hóa và phát triển du lịch.

b) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

10. Thuế tỉnh Đắk Lắk

a) Phối hợp Sở Tài chính thực hiện quản lý thuế tài nguyên theo quy định;

b) Thông báo, hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân kê khai, thực hiện việc nộp thuế tài nguyên nước, thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định pháp luật về thuế tài nguyên, các quy định khác có liên quan và quyết định phê duyệt của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

c) Có ý kiến bằng văn bản về việc chấp hành nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước của các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước khi Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị.

11. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể trên địa bàn tỉnh và các Sở, ban, ngành khác có liên quan trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình

a) Phổ biến, tuyên truyền, truyền thông về tài nguyên nước;

b) Vận động các tổ chức thành viên và nhân dân tham gia bảo vệ tài nguyên nước; giám sát việc thực hiện pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

12. Ban Quản lý Khu Công nghiệp, Khu kinh tế, Cụm Công nghiệp

Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu đầu tư quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và triển khai các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp, Khu kinh tế; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp đối với nội dung về hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm: công trình cấp nước, thu gom và xử lý nước thải theo quy định của pháp luật hiện hành quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế; quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

13. Các cơ quan thông tin truyền thông trên địa bàn tỉnh: Tuyên truyền các văn bản, quy định của Trung ương và của tỉnh có liên quan đến hoạt động về tài nguyên nước để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện đúng theo quy định.

Điều 37. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm, công trình quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình này;

2. Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước theo thẩm quyền; tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra;

3. Phổ biến, tuyên truyền về tài nguyên nước nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn theo thẩm quyền;

4. Định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra;

5. Tiếp nhận, quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo phân công; tổ chức đăng ký hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, theo thẩm quyền;

6. Tổ chức cập nhật số liệu đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn quản lý vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia;

7. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

8. Thực hiện các nội dung theo thẩm quyền được quy định tại Quy định này.

Điều 38. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Trách nhiệm của các đơn vị cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh

a) Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, mở rộng, nâng cấp mạng lưới cấp nước nhằm đảm bảo đạt tỷ lệ sử dụng từ công trình cấp nước theo Nghị quyết hàng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh và theo Đề án cấp nước sạch của tỉnh (nếu có). Ưu tiên việc khai thác, sử dụng nguồn nước mặt thay thế nguồn nước dưới đất để sản xuất, cung cấp nước sạch tập trung nhằm góp phần bảo vệ nước dưới đất, hạn chế nguy cơ gây suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt nguồn nước dưới đất;

b) Phối hợp, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu nối nước sạch thuộc mạng lưới cấp nước tập trung do đơn vị xây dựng, quản lý và vận hành.

c) Có trách nhiệm cung cấp sơ đồ, bản đồ khoanh vùng và công bố công khai những khu vực đã có mạng lưới cấp nước tập trung mà đơn vị quản lý cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Trách nhiệm của các đơn vị kinh doanh hạ tầng khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế

a) Đối với các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế đã đầu tư hệ thống cấp nước tập trung lấy từ nguồn nước mặt thì tiếp tục duy trì hoạt động cấp nước phục

vụ cho hoạt động của khu, cụm công nghiệp đảm bảo liên tục; xây dựng giải pháp sử dụng nước tuần hoàn, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước;

b) Đối với khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế chưa có mạng lưới cấp nước sạch tập trung hoặc đã có mạng lưới cấp nước tập trung nhưng đang khai thác, sử dụng nước dưới đất, khẩn trương xây dựng giải pháp sử dụng nước tuần hoàn, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước. Có giải pháp ưu tiên, thay thế sử dụng nguồn nước dưới đất bằng nguồn nước mặt để cung cấp nước sạch cho hoạt động của khu, cụm công nghiệp nhằm bảo vệ nước dưới đất, hạn chế các nguy cơ gây hạ thấp mực nước, xâm nhập mặn, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, sụt, lún đất....

3. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước quản lý quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham gia ý kiến theo thẩm quyền đối với các công trình thăm dò, khai thác nước dưới đất nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định tại khoản 7 Điều 52 Luật Tài nguyên nước;

Đề xuất giá trị dòng chảy tối thiểu theo quy định.

4. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động thăm dò, khai thác sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh

a) Thực hiện các quy định về thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và nghĩa vụ trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định và theo phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Đầu nối vào công trình cấp nước sạch tập trung để đảm bảo chất lượng cho mục đích sinh hoạt (nước dùng cho ăn uống, vệ sinh) đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

c) Kết hợp hoặc luân phiên sử dụng nước sạch khi được cung cấp với khai thác nước dưới đất, nước mưa và tuần hoàn, tái sử dụng nước nhằm tối ưu hóa việc sử dụng nguồn nước cho mục đích sử dụng về lợi ích kinh tế - xã hội, môi trường do nguồn nước mang lại.

d) Hạn chế khoan, đào mới các giếng khai thác nước dưới đất để phục vụ cho mục đích sinh hoạt tại những khu vực đã có nguồn nước sạch đảm bảo về chất lượng và số lượng.

e) Khuyến khích tổ chức, cá nhân xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, nghiên cứu, chuyên gia, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến để quản lý, bảo vệ, phục hồi, phát triển nguồn nước; khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng; thu gom, sử dụng nước mưa, bổ sung nhân tạo nước dưới đất; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh

Trong quá trình hành nghề, tổ chức, cá nhân được cấp phép thực hiện đầy đủ các yêu cầu quy định tại Điều 33 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.

Trường hợp Chủ giấy phép vi phạm nội dung quy định trong giấy phép gây sụt, lún đất, biến dạng công trình hoặc gây suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt, xâm nhập mặn nghiêm trọng đến nguồn nước sẽ bị đình chỉ hiệu lực của giấy phép và phải có biện pháp khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Chủ giấy phép bị phát hiện giả mạo tài liệu, kê khai không trung thực các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp phép hoặc sửa chữa làm sai lệch nội dung của giấy phép sẽ bị thu hồi giấy phép.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Chế độ báo cáo

1. Hàng năm các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm lập báo cáo công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước của cơ quan và gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 01 để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2. Hàng năm trước ngày 15 tháng 01 và đột xuất theo yêu cầu, các tổ chức, cá nhân có hoạt động tài nguyên nước, báo cáo tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 hàng năm.

Điều 40. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Kiểm tra

a) UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra trên địa bàn tỉnh; thực hiện kiểm tra theo kế hoạch được ban hành hoặc kiểm tra đột xuất theo chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

b) Các sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan có nhiệm vụ phối hợp, tạo điều kiện cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành về tài nguyên nước.

c) Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện chức năng kiểm tra các hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn; cử người tham gia đoàn kiểm tra của cơ quan cấp trên khi có yêu cầu.

2. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

a) Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước (hoặc người đại diện hợp pháp của họ) có quyền khiếu nại về quyết định xử phạt hành chính đối với họ;

b) Công dân có quyền tố cáo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền những vi phạm hành chính của các tổ chức, cá nhân và tố cáo hành vi vi phạm của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước;

c) Trình tự, thủ tục, thời hạn, thẩm quyền khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo Luật Khiếu nại, tố cáo.

Điều 41. Khen thưởng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích tổ chức, cá nhân bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên nước;

2. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; nghiên cứu, đề xuất các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm khai thác, sử dụng hợp lý, bền vững tài nguyên nước; đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Xử lý vi phạm

1. Mọi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước đều bị xử phạt. Hình thức phạt, mức phạt, thẩm quyền xử phạt được áp dụng theo quy định tại Nghị định của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm nếu không tự nguyện thực hiện các quyết định xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả quy định thì bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế và phải chịu mọi chi phí cho việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế đó, việc cưỡng chế thì hành được thực hiện theo Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 43. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Một số nội dung không quy định tại Quy định này, các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Luật Tài nguyên nước, các văn bản hướng dẫn thi hành, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường để thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc có nội dung không phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật của cấp có thẩm quyền mới ban hành, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã đề xuất nội dung cần sửa đổi, bổ sung, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.